

Bản án số: 25/2026/HS-ST

Ngày 25-3-2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Linh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Quốc Thìn

2. Bà Phạm Thị Lan

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Linh - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 - Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Triều - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 3 năm 2026 tại trụ sở, Tòa án nhân dân khu vực 2 - Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 83/2025/HSST ngày 24 tháng 11 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 83/2026/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 01 năm 2026, Quyết định hoãn phiên tòa số 83/2026/QĐ-HSST ngày 22-01-2026, Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 86/TB-TA ngày 29-01-2026 và Thông báo mở lại phiên tòa số 83/TB-TA ngày 03-3-2026 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Văn T**, sinh ngày 13-10-1998 tại tỉnh Quảng Ngãi. Nơi thường trú: Thôn M, xã T, tỉnh Quảng Ngãi; căn cước số 051098003636 cấp ngày 14-4-2023; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Không; con ông Nguyễn Văn T1 và bà Trương Thị B; vợ là Phạm Thị P, có một con sinh năm 2023; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 25-02-2022 bị Công an xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi xử phạt 1.500.000 đồng về hành vi đánh bạc trái phép, đã nộp phạt 01-3-2023; bị bắt tạm giam từ ngày 04-7-2025 đến nay; có mặt.

Bị hại: Công ty TNHH một thành viên C1.

Địa chỉ: Số A đường Đ, phường G, thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo pháp luật: Ông Lưu Huy V – chức danh: Giám đốc, vắng mặt.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

+ Bà Lê Thị Y, sinh năm 1999. Địa chỉ: Thôn V, xã V, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

+ Bà Nguyễn Thị Thảo N, sinh năm 1996. Địa chỉ: Thôn P, xã B, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

+ Ông Tạ Công T2, sinh năm 1996. Địa chỉ: Tổ D, phường C, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

+ Bà Nguyễn Thùy T3, sinh năm 1996, vắng mặt.

+ Bà Phạm Thị Ánh H, sinh năm 1981, vắng mặt.

+ Bà Lê Thị Yến P1, sinh năm 1991, vắng mặt.

+ Bà Nguyễn Thị Hồng V1, sinh năm 1984, vắng mặt.

+ Bà Huỳnh Thị Thu H1, sinh năm 1980, vắng mặt.

+ Ông Phạm Ngọc T4, sinh năm 1993, vắng mặt.

+ Bà Lê Ngô Thanh T5, sinh năm 1992, vắng mặt.

+ Bà Lý Thị N1, sinh năm 1985, vắng mặt.

+ Bà Hồ Thị Xuân T6, sinh năm 2000, vắng mặt.

+ Bà Phạm Thị L, sinh năm 1987, vắng mặt.

+ Ông Phạm Ngọc L1, sinh năm 1984, vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn L, xã B, tỉnh Quảng Ngãi.

+ Bà Nguyễn Thị Hà D, sinh năm 1976, vắng mặt.

+ Bà Vương Thị Tú Q, sinh năm 1992, vắng mặt.

+ Bà Nguyễn Thị Ly L2, sinh năm 1984, vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn C, xã B, tỉnh Quảng Ngãi.

+ Bà Phạm Thị Bích Đ, sinh năm 1958, vắng mặt.

+ Bà Nguyễn Ngọc D1, sinh năm 2002, vắng mặt.

+ Bà Nguyễn Thị Bé T7, sinh năm 1992, vắng mặt.

+ Bà Phan Thị Kiều M, sinh năm 1988, vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn E, xã B, tỉnh Quảng Ngãi.

+ Ông Lê Nguyễn Bá T8, sinh năm 1974, vắng mặt.

+ Ông Bùi Văn C, sinh năm 1991, vắng mặt.

+ Bà Nguyễn Thị Thu Á, sinh năm 1984, vắng mặt.

+ Bà Vũ Thị Kiều M1, sinh năm 1992, vắng mặt.

+ Bà Nguyễn Thị Nhã P2, sinh năm 1988, vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn D, xã B, tỉnh Quảng Ngãi.

+ Bà Nguyễn Thị N2, sinh năm 1992, vắng mặt.

+ Bà Hồ Thị Tố N3, sinh năm 1985, vắng mặt.

+ Ông Nguyễn Ngọc K, sinh năm 1983, vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn A, xã B, tỉnh Quảng Ngãi.

+ Ông Châu Văn H2, sinh năm 2002, vắng mặt.

+ Bà Đỗ Thị Tiểu M2, sinh năm 1997, vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn P, xã V, tỉnh Quảng Ngãi.

+ Bà Nguyễn Thị N4, sinh năm 1997, vắng mặt.

+ Bà Nguyễn Thị Ngọc L3, sinh năm 1995, vắng mặt.

+ Bà Phan Thị Thúy S, sinh năm 1999, vắng mặt.

+ Ông Nguyễn Đức T9, sinh năm 1988, vắng mặt.

+ Bà Lê Thị Anh Đ1, sinh năm 1986, vắng mặt.

+ Bà Ngô Thị L4, sinh năm 1985, vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn L, xã B, tỉnh Quảng Ngãi.

+ Bà Hồ Thị Tường V2, sinh năm 2004, vắng mặt.

+ Bà Nguyễn Thị L5, sinh năm 1991, vắng mặt.

+ Bà Đinh Thị T10, sinh năm 2002, vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn L, xã B, tỉnh Quảng Ngãi.

+ Bà Võ Thị T11, sinh năm 1982, vắng mặt.

+ Bà Nguyễn Thị L6, sinh năm 1992, vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn L, xã B, tỉnh Quảng Ngãi.

+ Bà Nguyễn Thị Xuân H3, sinh năm 1981, vắng mặt.

+ Bà Trang Thị Ngọc M3, sinh năm 1956, vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn P, xã B, tỉnh Quảng Ngãi.

+ Bà Nguyễn Thị P2, sinh năm 1992. Địa chỉ: Đ, thôn C, xã V, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

+ Bà Nguyễn Thị Lệ M4, sinh năm 1993. Địa chỉ: Thôn L, xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

+ Ông Nguyễn Phú Đ2, sinh năm 2006. Địa chỉ: Thôn A, xã B, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

+ Bà Phạm Thị T12, sinh năm 1990. Địa chỉ: Thôn P, xã B, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

+ Bà Phạm Thị B1, sinh năm 1993. Địa chỉ: Thôn Đ, xã B, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

+ Bà Bùi Thị N5, sinh năm 1989. Địa chỉ: Thôn Đ, xã B, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

+ Bà Đỗ Thị D2, sinh năm 1998. Địa chỉ: Thôn L, xã B, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

- + Bà Nguyễn Thị D3, sinh năm 1990. Địa chỉ: Thôn L, xã B, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.
- + Bà Cù Thị Thương T13, sinh năm 1988. Địa chỉ: Thôn P, xã B, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.
- + Bà Bùi Thị Như H4, sinh năm 1982. Địa chỉ: Thôn P, xã B, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.
- + Ông Phạm Quốc V3, sinh năm 1993. Địa chỉ: Thôn L, xã B, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.
- + Ông Lâm Minh H5, sinh năm 1990. Địa chỉ: Thôn B, xã B, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.
- + Bà Huỳnh Thị P3, sinh năm 1972. Địa chỉ: Thôn A, xã B, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.
- + Bà Huỳnh Thị T14, sinh năm 1996. Địa chỉ: Thôn M, xã B, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.
- + Bà Ngô Thị Thùy T15, sinh năm 1993. Địa chỉ: Đ, thôn C, xã B, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.
- + Bà Nguyễn Thị Kiều P4, sinh năm 1994. Địa chỉ: Đ, thôn G, xã B, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.
- + Bà Nguyễn Thị Như H6, sinh năm 1985. Địa chỉ: Thôn T, xã V, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.
- + Bà Nguyễn Thị Kim N6, sinh năm 1991. Địa chỉ: Thôn X, xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.
- + Bà Phạm Thị L7, sinh năm 1967. Địa chỉ: Thôn N, xã B, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.
- + Ông Nguyễn Thanh T16, sinh năm 1988. Địa chỉ: Thôn G, xã B, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.
- + Bà Trương Thị B, sinh năm 1976 và ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1970. Nơi thường trú: Thôn M, xã T, tỉnh Quảng Ngãi, có mặt.
- + Bà Lê Thị H7, sinh năm 1972. Nơi thường trú: Thôn P, xã B, tỉnh Quảng Ngãi, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 18/11/2024, Công ty TNHH một thành viên C1, chi nhánh T17 ký hợp đồng lao động số 01499770-24/HĐLĐ với Nguyễn Văn T thời hạn 01 năm, từ ngày 18/11/2024 đến hết ngày 17/11/2025; nhiệm vụ được giao: Tìm kiếm khách hàng, giao nhận, xử lý, phân hàng, đóng gói, vận chuyển sản phẩm; trong ngày làm việc thay mặt Công ty nhận các khoản cước, phí và chi phí phát sinh khác từ khách hàng và bàn giao đầy đủ lại cho Công ty vào cuối ca làm việc trong ngày, địa điểm làm

việc: Bưu cục của Công ty tại Khu dân cư Đ, tổ dân phố D, thị trấn C, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi nay là thôn D, xã B, tỉnh Quảng Ngãi.

Trong thời gian từ ngày 24/12/2024 đến ngày 09/01/2025, Nguyễn Văn T sử dụng xe mô tô biển kiểm soát 76C1-510-14 của bà Lê Thị H7 là mẹ vợ của bị cáo đến địa điểm kinh doanh B (bưu cục) của Công ty tại tổ dân phố D, thị trấn C, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi nay là thôn D, xã B, tỉnh Quảng Ngãi nhận mỗi ngày nhiều đơn hàng để giao cho người mua hàng, lợi dụng thời điểm gần đến Tết cổ truyền số lượng đơn hàng bị cáo nhận để đi giao cho người mua hàng rất nhiều, sau khi giao hàng và thu tiền của người mua hàng bị cáo chiếm đoạt mỗi ngày từ 1 đến 15 đơn hàng. Trong thời gian từ ngày 24/12/2024 đến ngày 09/01/2025 bị cáo chiếm đoạt tổng cộng 74 đơn hàng hóa các loại với tổng số tiền 151.732.377 đồng, trong đó đã giao và thu tiền thành công 73 đơn hàng cho 60 người mua hàng rồi tiêu xài hết và 01 đơn hàng giấy dán tường trị giá 480.000 đồng bị cáo không giao cho khách hàng mà mang về nhà sử dụng, khi nhân viên bưu cục kiểm tra phát hiện bị cáo chưa nộp tiền các đơn hàng, yêu cầu bị cáo nộp tiền thì bị cáo viện lý do giao hàng nhưng chưa thu được tiền hoặc bận công việc nhà không chịu đến giao tiền hàng cho bưu cục để nộp về Công ty. Cụ thể, Nguyễn Văn T chiếm đoạt từng ngày như sau: Ngày 24/12/2024 chiếm đoạt 02 đơn hàng với số tiền 5.500.000 đồng, ngày 27/12/2024 chiếm đoạt 01 đơn hàng với số tiền 1.425.500 đồng, ngày 28/12/2024 chiếm đoạt 04 đơn hàng với số tiền 3.405.000 đồng, ngày 29/12/2024 chiếm đoạt 01 đơn hàng với số tiền 3.000.000 đồng, ngày 30/12/2024 chiếm đoạt 04 đơn hàng với số tiền 10.371.000 đồng, ngày 31/12/2024 chiếm đoạt 02 đơn hàng với số tiền 3.336.000 đồng, ngày 02/01/2025 chiếm đoạt 05 đơn hàng với số tiền 11.724.000 đồng, ngày 03/01/2025 chiếm đoạt 06 đơn hàng với số tiền 12.871.100 đồng, ngày 04/01/2025 chiếm đoạt 02 đơn hàng với số tiền 3.040.800 đồng, ngày 05/01/2025 chiếm đoạt 04 đơn hàng với số tiền 10.342.000 đồng, ngày 06/01/2025 chiếm đoạt 07 đơn hàng với số tiền 18.666.599 đồng, ngày 07/01/2025 chiếm đoạt 06 đơn hàng với số tiền 26.867.000 đồng, ngày 08/01/2025 chiếm đoạt 15 đơn hàng với số tiền 18.304.780 đồng, ngày 09/01/2025 chiếm đoạt 15 đơn hàng với số tiền 22.878.598 đồng.

Tại bản cáo trạng số 15/CT-VKS-KV2 ngày 17 tháng 11 năm 2025, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Quảng Ngãi truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội “Tham ô tài sản” theo điểm c, d khoản 2 Điều 353 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về tội danh, điều luật áp dụng, mức hình phạt đề nghị: Tuyên bố Nguyễn Văn T phạm tội “Tham ô tài sản”, căn cứ vào điểm c, d khoản 2, khoản 6 Điều 353; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 07 năm 6 tháng đến 08 năm 6 tháng tù.

- Về vật chứng:

+ Đối với 01 USB 3.2 hiệu SanDisk 64 GB bên trong có chứa ba đoạn video thể hiện nội dung hình ảnh Nguyễn Văn T đang nhận hàng tại bưu cục, địa điểm kinh doanh B tại địa chỉ đường T, xã B, tỉnh Quảng Ngãi để đi giao cho khách hàng

vào ngày 09/01/2025. Đồ vật, tài liệu nêu trên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Q lưu giữ theo hồ sơ vụ án để phục vụ việc truy tố và xét xử nên đề nghị tiếp tục lưu giữ theo hồ sơ vụ án.

+ Đối với xe mô tô biển kiểm soát 76C1-510-14 bị cáo sử dụng làm phương tiện đi giao hàng. Xe mô tô này là của bà Lê Thị H7 (mẹ vợ của bị cáo), bị cáo T mượn để làm phương tiện đi giao hàng cho công ty, việc bị cáo chiếm đoạt tiền của công ty bà H7 không biết, cơ quan điều tra không thu giữ xe mô tô này và bà H7 cũng không có yêu cầu gì nên không đề nghị giải quyết.

- Về trách nhiệm dân sự: Đối với số tiền 151.732.377 đồng, Nguyễn Văn T chiếm đoạt của Công ty TNHH một thành viên C1 bị cáo đã tiêu xài cá nhân hết. Bị cáo đã tác động gia đình khắc phục toàn bộ thiệt hại cho bị hại. Bị hại không còn yêu cầu gì về dân sự và bà Trương Thị B và ông Nguyễn Văn T1 là cha mẹ bị cáo không yêu cầu bị cáo hoàn trả lại tiền đã bồi thường nên không đề nghị giải quyết.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận. Bị cáo chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Tại phiên tòa lần thứ 2 chỉ có người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà Trương Thị B, ông Nguyễn Văn T1 và bà Lê Thị H7 có mặt, bị hại và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án khác đều vắng mặt không có lý do, đồng thời những người này đã có lời khai trong quá trình điều tra, xét thấy việc vắng mặt của họ không trở ngại cho việc giải quyết vụ án, do đó căn cứ vào Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn T khai nhận hành vi phạm tội như cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử đủ cơ sở kết luận: Nguyễn Văn T là nhân viên hợp đồng của Công ty TNHH một thành viên C1, chi nhánh T17 được giao thực hiện công việc chuyển phát nhanh các đơn hàng cho khách hàng, thu giữ, quản lý tiền thu được từ khách hàng mang về nộp lại cho Công ty trong ngày. Tuy nhiên, Nguyễn Văn T lợi dụng thời điểm gần đến Tết cổ truyền số lượng đơn hàng rất nhiều nên sau khi giao hàng và thu tiền của người mua hàng bị cáo chiếm đoạt tiền với giá trị mỗi ngày từ 1 đến 15 đơn hàng, cụ thể trong thời gian từ ngày 24/12/2024 đến ngày 09/01/2025 bị cáo chiếm đoạt tổng cộng giá trị 74 đơn hàng hóa các loại với tổng số tiền 151.732.377 đồng để tiêu xài cá nhân, trong đó có 12 lần chiếm đoạt số tiền trên 2.000.000 đồng. Do đó, Viện kiểm sát truy tố bị cáo

Nguyễn Văn T về tội “Tham ô tài sản” theo điểm c, d khoản 2 Điều 353 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng quy định pháp luật.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo:

[4.1] Về tình tiết tăng nặng, nhân thân: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng, nhưng bị cáo có nhân thân không tốt, ngày 25-02-2022 bị Công an xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi xử phạt 1.500.000 đồng về hành vi đánh bạc trái phép.

[4.2] Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra đến tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tác động gia đình bồi thường toàn bộ thiệt hại cho bị hại nên áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt.

[5] Về vật chứng:

[5.1] Đối với 01 USB 3.2 hiệu SanDisk 64 GB bên trong có chứa ba đoạn video thể hiện nội dung hình ảnh Nguyễn Văn T đang nhận hàng tại bưu cục tại địa chỉ đường T, thị trấn C, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi nay là xã B, tỉnh Quảng Ngãi để đi giao cho khách hàng vào ngày 09/01/2025. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Q lưu giữ theo hồ sơ vụ án nên tiếp tục lưu giữ theo hồ sơ vụ án.

[5.2] Đối với xe mô tô biển kiểm soát 76C1-510-14 bị cáo sử dụng làm phương tiện đi giao hàng. Xe mô tô này là của bà Lê Thị H7 (mẹ vợ của bị cáo), bị cáo T mượn để làm phương tiện đi giao hàng cho công ty, việc bị cáo chiếm đoạt tiền của công ty bà H7 không biết, cơ quan điều tra không thu giữ xe mô tô này và bà H7 cũng không có yêu cầu gì nên không giải quyết.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Đối với số tiền 151.732.377 đồng, Nguyễn Văn T chiếm đoạt của Công ty TNHH một thành viên C1 bị cáo đã tiêu xài cá nhân hết. Sau khi khởi tố vụ án, bị cáo đã tác động gia đình khắc phục toàn bộ thiệt hại cho bị hại. Bị hại không còn yêu cầu gì về dân sự, bà Trương Thị B và ông Nguyễn Văn T1 là cha mẹ bị cáo không yêu cầu bị cáo hoàn trả lại tiền đã bồi thường nên không giải quyết.

[7] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Quảng Ngãi về tội danh, điều luật áp dụng, mức hình phạt đối với bị cáo, xử lý vật chứng, trách nhiệm dân sự là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[8] Bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[9] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

Điểm c, d khoản 2, khoản 6 Điều 353; điểm b, s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Điều 106; Điều 292; Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Tham ô tài sản”.
2. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 07 (bảy) năm 6 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam (ngày 04-7-2025).
3. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.
4. Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- CA tỉnh Quảng Ngãi (PC02, PV06);
- VKSND khu vực 2;
- Phòng THADS khu vực 2;
- UBND xã Trường Giang (thay thông báo);
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Trung Linh